

THUỐC CHỐNG ĐAU THẮT NGỰC

Biên soạn: ThS Võ Hồng Nho
Biên tập: Trần Quốc Quang

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2015

Nội dung



1. Tổng quan
2. Điều trị đau thắt ngực
3. Sản phẩm DOMESCO
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Nội dung



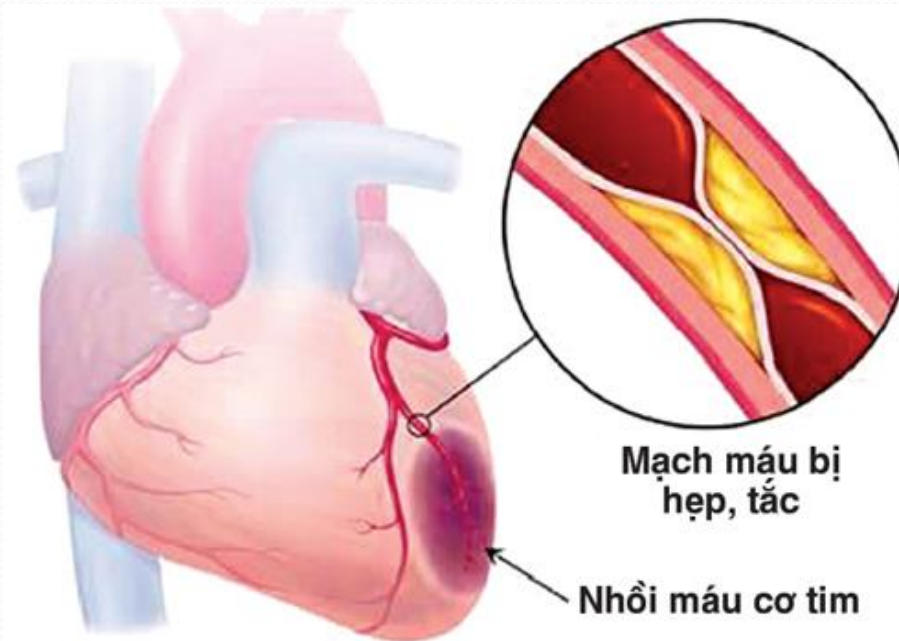
1. Tổng quan
2. Điều trị đau thắt ngực
3. Sản phẩm DOMESCO
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Tổng quan



❑ Nguyên nhân:

- Cơ tim bị thiếu oxy đột ngột vì mất thăng bằng giữa sự tăng nhu cầu oxy của **cơ tim** và sự cung cấp không đủ oxy của **mạch vành** (do **xơ vữa**, **co thắt động mạch vành**)



Xơ vữa động mạch, động mạch vành bị hẹp lại sẽ gây ra tình trạng thiếu máu nuôi dưỡng cơ tim

Phân loại đau thắt ngực



Phân loại	Đặc điểm	Nguyên nhân
Đau thắt ngực ổn định	Số lần, cường độ, thời gian đau thắt ngực là không đổi trong 2 tháng	Mãng xơ vữa làm nghẽn 1 hay nhiều mạch vành nên → không đáp ứng đủ nhu cầu oxy cho cơ tim khi gắng sức hoặc khi bị stress (lạnh, xúc động)
Đau thắt ngực không ổn định	Hỗn hợp triệu chứng trung gian giữa đau thắt ngực ổn định và nhồi máu cơ tim	Tiểu cầu kết dính vào mảng xơ vữa gây huyết khối, co mạch gây nghẽn 1 hay nhiều nhánh động mạch vành
Đau thắt ngực Prinzmetal	Xảy ra tự phát lúc nghỉ, thường gặp vào ban đêm hoặc lúc sáng sớm. Có thể phát triển thành nhồi máu cơ tim và xem như 1 phần của đau thắt ngực không ổn định	Co thắt mạch vành, thường liên quan đến xơ vữa thành mạch
Nhồi máu cơ tim	Ngừng đột ngột cung cấp máu cho vùng cơ tim	Nghẽn hoàn toàn hay gần như hoàn toàn mạch vành

Xác định cơn đau thắt ngực



- ❑ Vị trí: sau xương ức, vùng, lan lên cổ, vai, tay, hàm, thượng vị, sau lưng
- ❑ Hoàn cảnh xuất hiện: gắng sức, xúc cảm mạnh, gặp lạnh, sau bữa ăn nhiều, hút thuốc lá
- ❑ Tính chất: thắt lại, nghẹt, bị đè nặng trước ngực
- ❑ Cơn đau kéo dài: thường khoảng vài phút (< 20 phút)



Đánh giá mức độ đau thắt ngực



Mức độ	Đặc điểm	Chú thích
I	Những hoạt động thể lực bình thường, không gây đau thắt ngực	Đau thắt ngực chỉ xuất hiện khi hoạt động thể lực rất mạnh
II	Hạn chế nhẹ hoạt động thể lực bình thường	Đau thắt ngực khi leo cao > 1 tầng gác thông thường bằng cầu thang hoặc đi bộ dài hơn 2 dãy nhà
III	Hạn chế đáng kể hoạt động thể lực thông thường	Đau thắt ngực khi đi bộ dài từ 1-2 dãy nhà hoặc leo cao 1 tầng gác
IV	Các hoạt động thể lực bình thường đều gây đau thắt ngực	Đau thắt ngực khi làm việc nhẹ, khi gắng sức nhẹ

Theo CCS-Canadian Cardiovascular Society đối với bệnh đau thắt ngực ổn định

Nội dung



1. Tổng quan
2. Điều trị đau thắt ngực
3. Sản phẩm DOMESCO
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Mục tiêu điều trị



	Mục tiêu	Hướng điều trị
Đau thắt ngực ổn định	Điều trị cơn cấp Điều trị duy trì	- Điều trị cơn cấp: Nitroglycerin ngậm dưới lưỡi - Điều trị duy trì: nitrat tác dụng dài, beta blocker, ức chế Canxi
Đau thắt ngực không ổn định	- Ngăn chặn NMCT bằng cách ngăn thành lập huyết khối - Làm giảm triệu chứng D ₉ TN và hồi phục sự thiếu máu - Làm giảm nguy cơ bệnh tim mạch	Aspirin, Heparin, beta blocker, nitroglycerin
Đau thắt ngực Prinzmetal	Ngăn co thắt mạch vành	Ngăn co thắt mạch vành, sử dụng chất giãn mạch: Nitrat, Ức chế canxi

Mục tiêu điều trị



	Mục tiêu	Hướng điều trị
Nhồi máu cơ tim	Điều trị NMCT cấp Điều trị phòng ngừa sau NMCT	<ul style="list-style-type: none">- Điều trị NMCT cấp: thuốc làm tan huyết khối, aspirin, thuốc kháng loạn nhịp, beta blocker, heparin, thuốc chống đông đường uống- Điều trị phòng ngừa sau NMCT: Beta blocker, aspirin, ỨCMC, thuốc chống đông đường uống, thuốc hạ lipid huyết

Điều trị đau thắt ngực ổn định



Điều trị nội khoa
(dùng thuốc)

Điều trị ngoại khoa
(Can thiệp ĐMV)

Điều trị lâu dài
(Dùng Aspirin suốt đời,
điều trị yếu tố nguy cơ)

Đáp ứng tốt:

- Giảm tỷ lệ tử vong và các biến cố khác
- Cải thiện triệu chứng
- Hết đau thắt ngực
- Trở về sinh hoạt bình thường
- Bệnh nhân dung nạp thuốc tốt

Điều trị đau thắt ngực ổn định



GIẢM CƠN ĐAU

Chọn lựa hàng đầu: Nitrat tác dụng ngắn, kết hợp với

- ƯC β hoặc chẹn kênh calci - \downarrow tần số tim
- Cân nhắc nhóm chẹn kênh calci DHP nếu tần số tim thấp hoặc không dung nạp/ chống chỉ định
- Cân nhắc ƯC β + chẹn kênh calci -DHP nếu CĐTN CCS >2

Có thể thêm hoặc dịch chuyển (chọn lựa 1 ở một số trường hợp)

Chọn lựa hàng thứ hai

- Ivabradine
- Nitrat tác dụng kéo dài
- Nicorandil
- Ranolazine
- Trimetazidine

+ Xem xét chụp mạch vành – PCI hoặc CABG

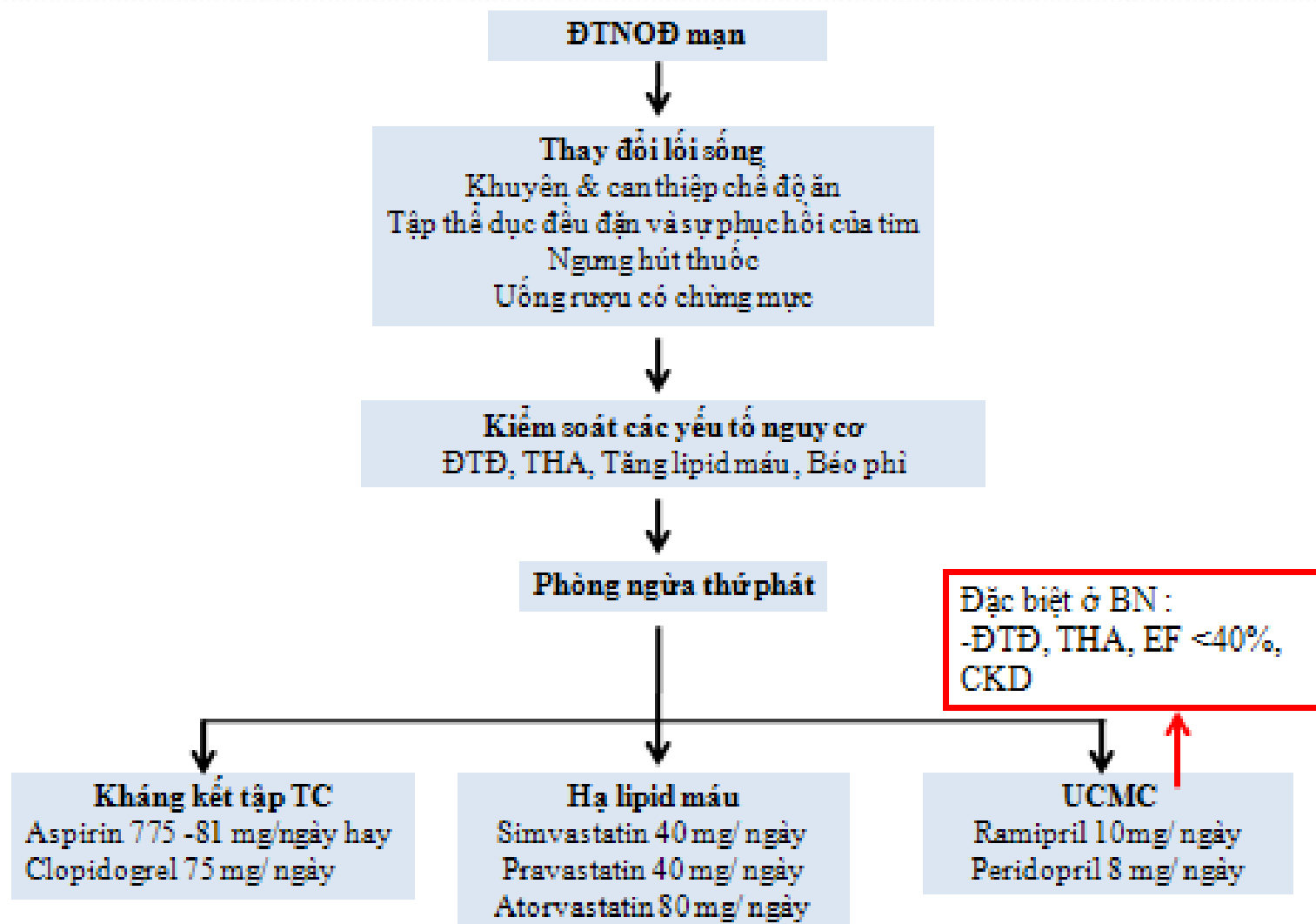
DỰ PHÒNG BIẾN CỐ

- Thay đổi lối sống
- Kiểm soát các YTNC

+ Giáo dục Bệnh nhân

- Aspirin
- Statins
- Xem xét ƯCMC hoặc ƯCTT

Điều trị dự phòng tái phát



Thuốc điều trị đau thắt ngực



Stt	Phân nhóm	Tác dụng	Ghi chú
	I. Thuốc chống kết tập tiểu cầu		
1	Aspirin	• Giúp giảm các mảng huyết khối, lưu thông mạch máu	• Dùng suốt đời nếu không có chống chỉ định
2	Ticlođipine		• Chỉ dùng khi chống chỉ định với Aspirin • Dùng phối hợp với Aspirin trong can thiệp động mạch vành
3	Clopidogrel		
4	Dipyridamol		

Thuốc điều trị đau thắt ngực



Stt	Phân nhóm	Tác dụng	Ghi chú
	II. Thuốc chẹn beta giao cảm (β blocker)		
1	Propranolol	<ul style="list-style-type: none">• Giảm nhu cầu oxy lúc nghỉ và lúc gắng sức• Cung cấp oxy cho vùng cơ tim bị thiếu máu (Propranolol)	<ul style="list-style-type: none">• Là thuốc lựa chọn hàng đầu trong điều trị đau thắt ngực ổn định (nếu không có chống chỉ định)
2	Metoprolol		
3	Atenolol		
4	Nadolol		
5	Timolol		
6	Acebutolol		
7	Betaxolol		
8	Bisoprolol		
9	Labetalol		
10	Pindolol		

Thuốc điều trị đau thắt ngực



Stt	Phân nhóm	Tác dụng	Ghi chú
III. Thuốc Nitrates			
1	Nitroglycerin	<ul style="list-style-type: none">• Giảm tiêu thụ oxy của cơ tim• Tăng tuần hoàn phụ ở vùng cơ tim bị thiếu máu, nội tâm mạc	<ul style="list-style-type: none">• Có dung nạp thuốc khi dùng kéo dài → nên dùng cách quãng
2	Isosorbide 5 monnonitrate		
IV. Thuốc chặn kênh Canxi			
1	Nifedipin	<ul style="list-style-type: none">• Giãn mạch vành → tăng cung cấp oxy cho cơ tim• Giảm tiêu thụ oxy của cơ tim• Tăng cung cấp oxy vùng nội tâm mạc	<ul style="list-style-type: none">• Là sự lựa chọn thay thế hoặc phối hợp
2	Amlodipin		
3	Felodipin		
4	Diltiazem		
5	Verapamil		

Thuốc điều trị đau thắt ngực



Stt	Phân nhóm	Tác dụng	Ghi chú
	V. Thuốc ức chế men chuyển		
1	Captopril	• Cải thiện chức năng nội mạc mạch máu ở bệnh nhân sau NMCT → giảm được biến cố suy tim, NMCT tái phát	• Sử dụng sau cơn đau thắt ngực trong vòng 24 giờ sau khi huyết áp ổn định • Sử dụng cho bệnh nhân suy tim, tiểu đường, rối loạn chức năng thất trái
2	Enalapril maleat		
3	Lisinopril		
4	Perindopril tert-butylamin		
5	Imidapril HCl		
	VI. Khác		
1	Trimetazidine 2HCl	• Bảo vệ cơ tim	

Thuốc điều trị đau thắt ngực



Stt	Phân nhóm	Tác dụng	Ghi chú
	VII. Thuốc điều trị yếu tố nguy cơ		
1	Thuốc điều trị Lipid huyết (nhóm Statin)	• Ngăn tạo mảng xơ vữa mạch vành – nguyên nhân chính gây NMCT	
	Atorvastatin		
	Lovastatin		
	Rosuvastatin		
	Simvastatin		
2	Thuốc điều trị đái tháo đường	• Giảm yếu tố nguy cơ	
3	Thuốc điều trị tăng huyết áp		

Nội dung



1. Tổng quan
2. Thuốc điều trị đau thắt ngực
- 3. Sản phẩm DOMESCO**
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Sản phẩm DOMESCO



Stt	Phân nhóm	Sản phẩm	Điều trị
	I. Thuốc chống kết tập tiểu cầu		
1	Aspirin	Aspirin 81mg film TTR	<ul style="list-style-type: none">• Phòng và điều trị bệnh ĐTN, NMCT
2	Clopidogrel	Dopivix 75mg film	<ul style="list-style-type: none">• Dự phòng và giảm biến cố do sơ vữa động mạch• Điều trị ĐTN (phối hợp với Aspirin)

Sản phẩm DOMESCO



Stt	Phân nhóm	Sản phẩm	Điều trị
	II. Thuốc chẹn beta giao cảm		
1	Propranolol	Dorocardyl 40mg nén	<ul style="list-style-type: none">• Đau thắt ngực do xơ vữa động mạch vành• NMCT• Ngăn chặn chết đột ngột do tim, sau NMCT cấp
	III. Thuốc nitrates		
1	Nitroglycerin	Domitral 2.5mg caps	<ul style="list-style-type: none">• Phòng, điều trị cơn ĐTN• Suy tim sung huyết
2	Isosorbide 5 monnonitrate	Donox 30mg film Donox 60mg film	<ul style="list-style-type: none">• Điều trị dự phòng ĐTN• Suy tim mạn tính

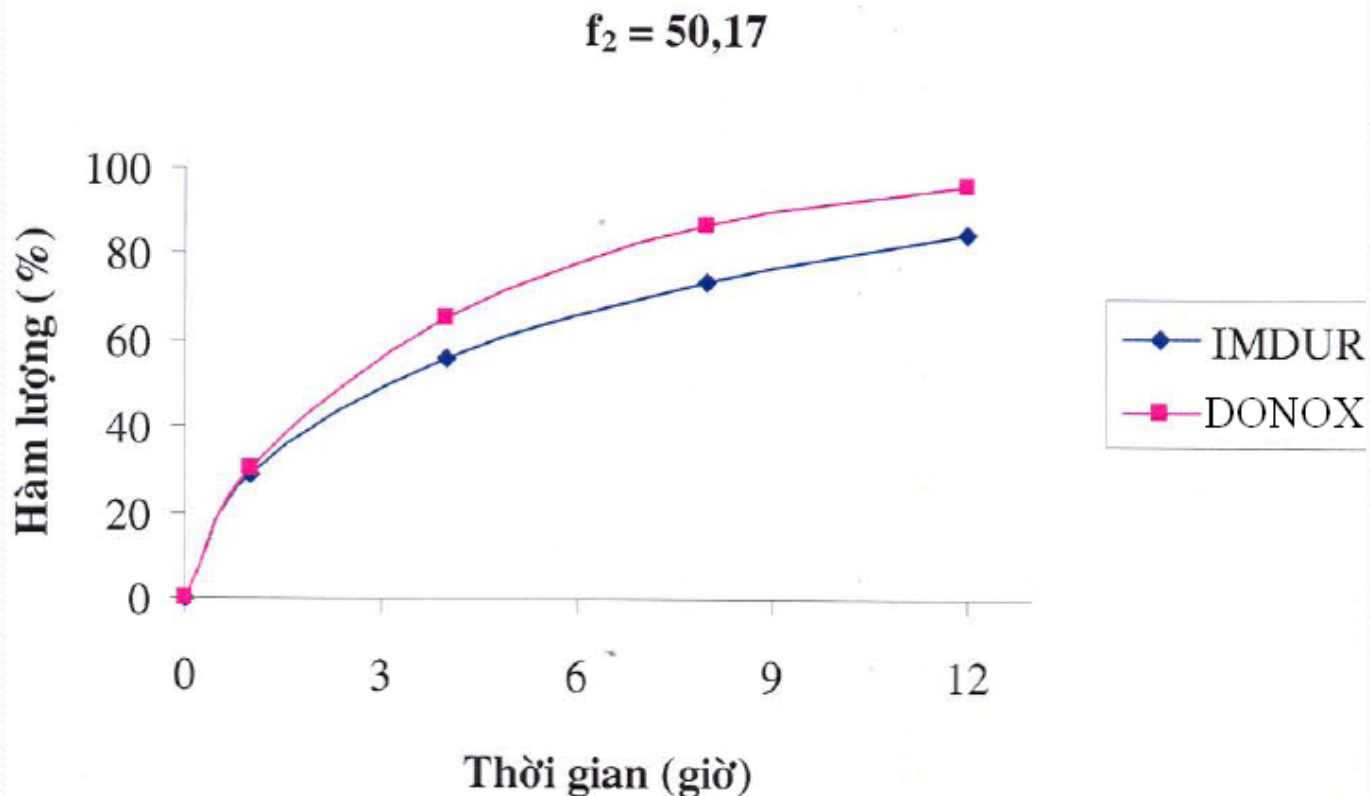
Sản phẩm DOMESCO



Stt	Phân nhóm	Sản phẩm	Điều trị
	IV. Thuốc chẹn kênh canxi		
1	Amlodipin	Amlodipin 5mg caps	<ul style="list-style-type: none">• Tăng huyết áp (ở người đái tháo đường)• Điều trị dự phòng đau thắt ngực
	V. Khác		
1	Trimetazidine 2HCl	Vosfarel 20mg film Vosfarel 35mg film SR	<ul style="list-style-type: none">• Phòng cơn đau thắt ngực• Rối loạn thị giác• Chóng mặt, ù tai

TĐSH in vitro

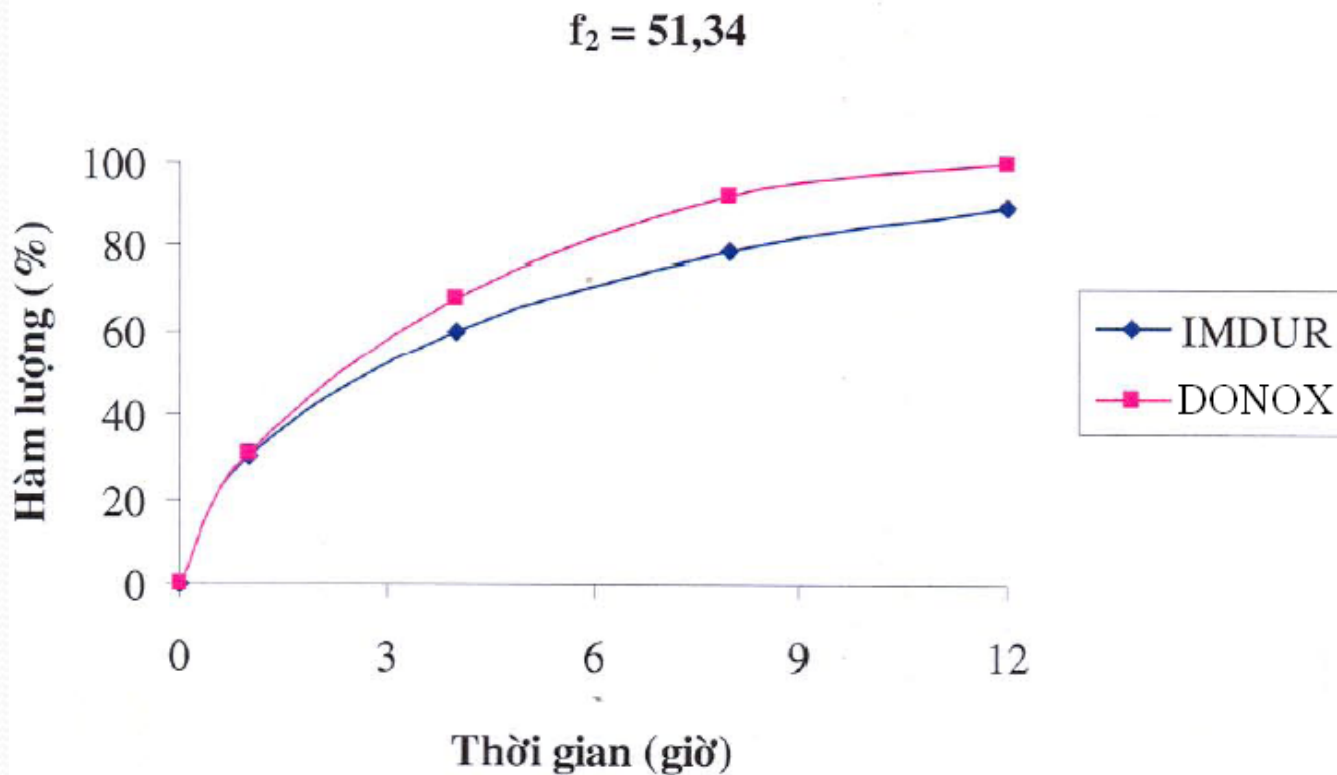
DONOX SR – THUỐC ĐỐI CHỨNG



Độ hòa tan môi trường pH 1,2

TĐSH in vitro

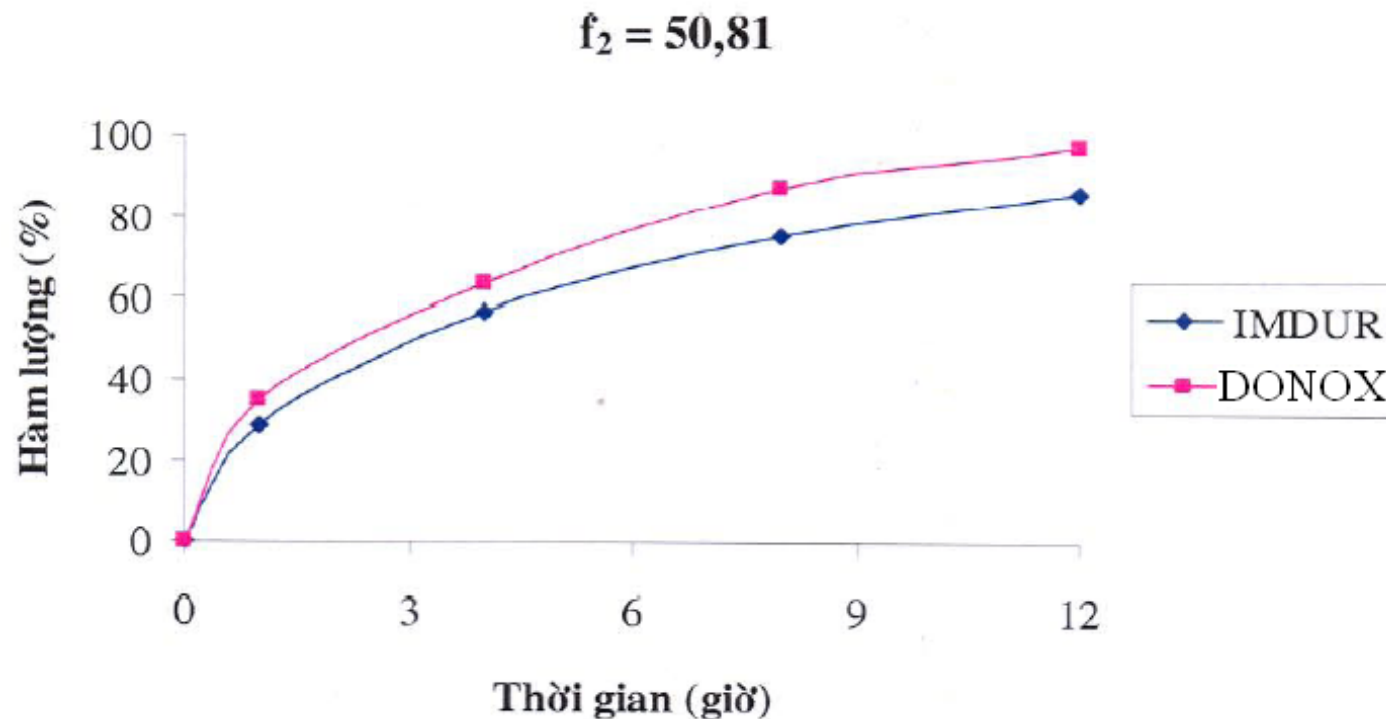
DONOX SR – THUỐC ĐỐI CHỨNG



Độ hòa tan môi trường pH 4,5

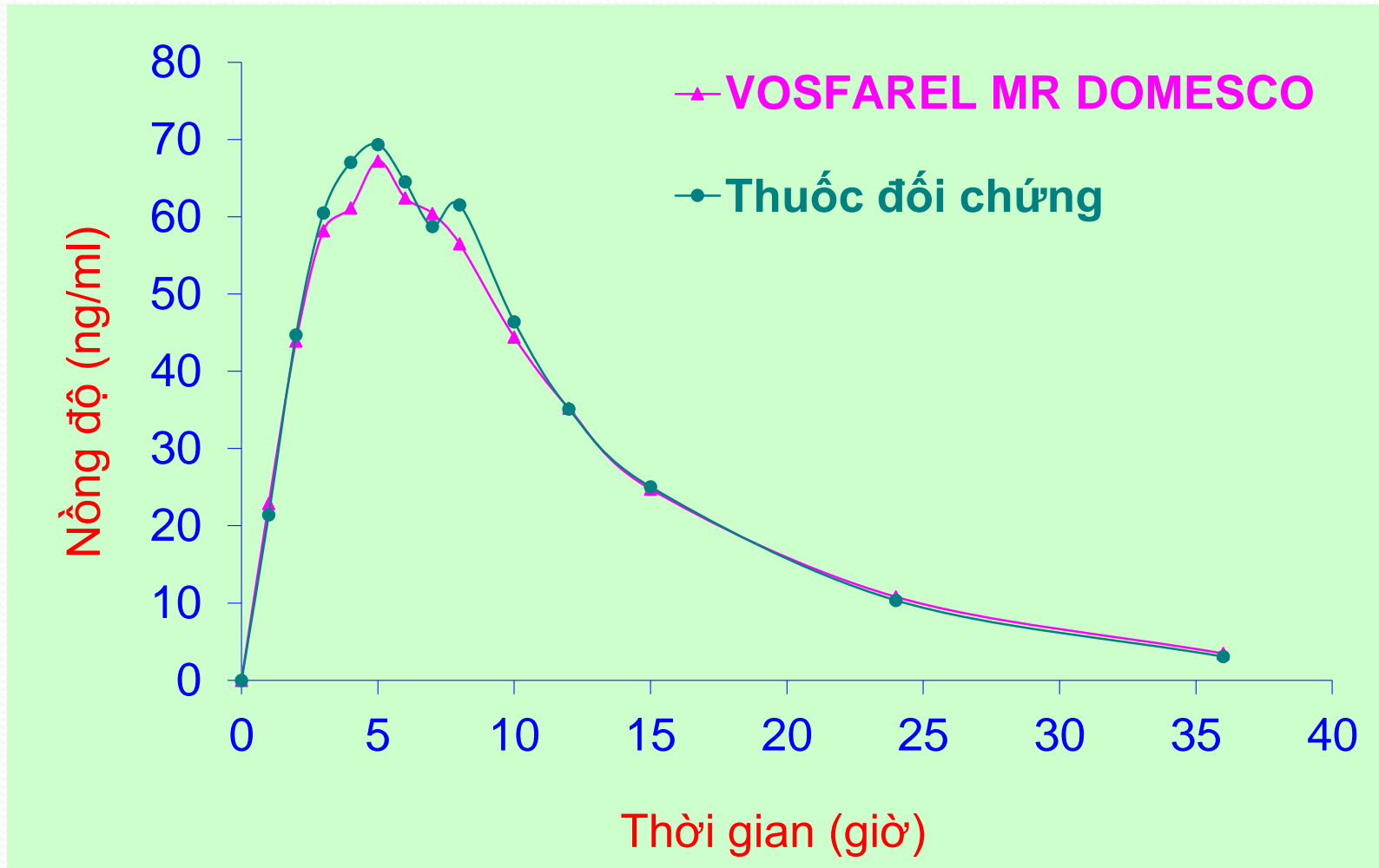
TĐSH in vitro

DONOX SR – THUỐC ĐỐI CHỨNG



Độ hòa tan môi trường pH 6,8

Tương đương sinh học



Tóm tắt theo điều trị



Bệnh kèm theo đau thắt ngực	Chỉ định bắt buộc	Sản phẩm
Nhồi máu cơ tim có trước	Beta blocker (không ISA)	Dorocardyl 40mg nén
Tăng huyết áp tâm thu đơn độc	Ức chế Canxi (nhóm DHP tác dụng dài)	
Tăng huyết áp	Beta blocker	
Rối loạn tâm thu thất trái	Carvedilol	
Tiểu đường	ỨCMC	

Nội dung



1. Tổng quan
2. Điều trị đau thắt ngực
3. Sản phẩm DOMESCO
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Domitral[®] 2,5mg



- Thành phần:
 - Nitroglycerin Pellets 0,9% tương đương Nitroglycerin....2.5mg
- Chỉ định:
 - Phòng và điều trị cơn đau thắt ngực
 - Suy tim sung huyết (phối hợp)
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch

Viên nang

Hộp 06 vỉ x 10 viên

Hộp 04 vỉ x 15 viên

VOSFAREL®



Viên nén bao phim
Hộp 02 vỉ x 30 viên

- Thành phần:
 - Trimetazidin 2HCl.....20mg
- Chỉ định:
 - Tim: phòng cơn đau thắt ngực
 - Mắt: Thương tổn mạch máu ở võng mạc, giảm thị lực
 - Tai mũi họng: chóng mặt do vận mạch, ù tai
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch
 - Bác sĩ sản nhãn khoa
 - Bác sĩ tai mũi họng

VOSFAREL^{MR} DOMESCO

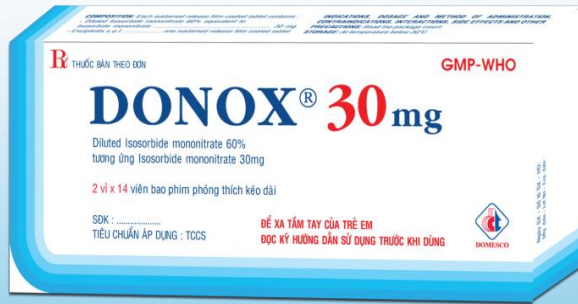


Viên bao phim phóng thích chậm

Hộp 06 vỉ x 10 viên

- Thành phần:
 - Trimetazidin 2HCl.....35mg
- Chỉ định:
 - Tim: phòng cơn đau thắt ngực
 - Mắt: rối loạn thị giác có nguồn gốc tuần hoàn
 - Tai mũi họng: chóng mặt, ù tai
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch
 - Bác sĩ sản nhãn khoa
 - Bác sĩ tai mũi họng
- Lưu ý sử dụng: nuốt nguyên viên, không bẻ đôi hoặc nhai

DONOX[®] 30 mg



**Viên bao phim phóng thích
kéo dài**
Hộp 02 vỉ x 14 viên

- Thành phần:
 - Diluted Isosorbide mononitrate 60% tương ứng Isosorbide mononitrate30mg
- Chỉ định:
 - Điều trị dự phòng đau thắt ngực
 - Suy tim mạn tính
 - Tăng áp lực động mạch phổi
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch
- Lưu ý sử dụng: nuốt nguyên viên, không bẻ đôi hoặc nhai

DONOX[®] 60 mg



Viên bao phim phóng thích
kéo dài

Hộp 02 vỉ x 15 viên

- Thành phần:
 - Diluted Isosorbide mononitrate 60% tương ứng Isosorbide mononitrate60mg
- Chỉ định:
 - Điều trị dự phòng đau thắt ngực
 - Suy tim mạn tính
 - Tăng áp lực động mạch phổi
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch
- Lưu ý sử dụng: nuốt nguyên viên, không bẻ đôi hoặc nhai

ASPIRIN - 81 mg



Viên bao phim tan trong ruột
Hộp 10 vỉ x 10 viên
Chai 100 viên

- Thành phần:
 - Acetyl salicylic acid.....81mg
- Chỉ định:
 - Ngừa và trị bệnh mạch vành (đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim)
 - Hạ sốt, giảm đau
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch
 - Bác sĩ đa khoa

Dopivix



Viên bao phim

Hộp 02, 04 vỉ x 07 viên

- Thành phần:
 - Clopidogrel bisulfat tương ứng Clopidogrel75mg
- Chỉ định:
 - Dự phòng và giảm các biến cố do xơ vữa động mạch
 - Điều trị đau thắt ngực (phối hợp với Aspirin)
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch

DOROCARDYL®



Viên nén
Hộp chai 100 viên

- Thành phần:
 - Propranolol hydrochlorid40mg
- Chỉ định:
 - Tăng huyết áp
 - Đau thắt ngực do xơ vữa động mạch vành
 - Loạn nhịp tim
 - NMCT
 - Ngăn chặn chết đột ngột do tim, sau NMCT cấp
 - Hỗ trợ điều trị loạn nhịp, nhịp nhanh ở người cường giáp
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch

Amlodipin



Viên nang

Hộp 03 vỉ x 10 viên

- Thành phần:
 - Amlodipin besylat tương đương Amlodipin..... 5mg
- Chỉ định:
 - Tăng huyết áp (người bị tiểu đường)
 - Điều trị dự phòng đau thắt ngực
- Đối tượng giới thiệu:
 - Bác sĩ tim mạch

Nội dung



1. Sinh lý bệnh
2. Điều trị đau thắt ngực
3. Sản phẩm DOMESCO
4. Thông tin sản phẩm
5. Câu hỏi

Câu hỏi



Câu 1: **Kháng sinh Quinolon là**

- A.** Có nguyên tử Fluor trong cấu trúc
- B.** Diệt khuẩn bằng cách ức chế sao chép và tái bản DNA của vi khuẩn
- C.** Kiềm khuẩn bằng cách ức chế sao chép và tái bản DNA của vi khuẩn
- D.** Ức chế tổng hợp vách tế bào vi khuẩn
- E.** Tất cả đều sai

Câu 2: **Kháng sinh Quinolon là**

- A.** Phổ tác dụng rộng, đặc biệt trên vi khuẩn gram (+)
- B.** Kháng sinh phụ thuộc nồng độ
- C.** Kháng sinh phụ thuộc thời gian
- D.** Có tác dụng hậu kháng sinh
- E.** B và D đúng

Câu hỏi



Câu 3: **Pefloxacin là kháng sinh**

- A.** Thấm qua được hàng rào máu não đường uống
- B.** Đào thải chủ yếu qua thận
- C.** Trị được nhiễm trùng đường mật do đào thải qua mật
- D.** Tất cả đều đúng
- E.** Tất cả đều sai

Câu 4: **Kháng sinh Quinolon nào được dùng để điều trị viêm tiền liệt tuyến?**

- A.** Pefloxacin
- B.** Ofloxacin
- C.** Ciprofloxacin
- D.** Tất cả đều sai
- E.** B và C đúng

Câu hỏi



Câu 5: Kháng sinh Quinolon nào được dùng để điều trị viêm thận – bể thận?

A. Pefloxacin

B. Ofloxacin

C. Ciprofloxacin

D. Levofloxacin

E. Tất cả đều đúng

Câu 6: Kháng sinh Quinolon nào được dùng để điều trị viêm xoang cấp?

A. Levofloxacin

B. Ofloxacin

C. Ciprofloxacin

D. Pefloxacin

E. Tất cả đều đúng

Câu hỏi



Câu 7: Kháng sinh Quinolon nào có hiệu lực mạnh trên *P. aeruginosa*?

A. Pefloxacin

B. Ofloxacin

C. Ciprofloxacin

D. Levofloxacin

E. Tất cả đều đúng

Thank You!